

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC – TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Mai Loan

Bà Nguyễn Thị Hồng Thùy

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 228/2018/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983, địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Văn Thành Đ, sinh năm 1980, địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh A. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 08/5/2018, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị L và anh Văn Thành Đ kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 02TPHT2007 ngày 02/01/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh A. Chị L cho rằng thời gian từ khi kết hôn đến nay anh Đ đi làm nhưng không phụ lo cho vợ con nên vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn thời gian dài. Chị đã khuyên nhủ nhưng anh không thay đổi nên chị L xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa, chị yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Con chung: Có 02 con chung tên Văn Thành H sinh ngày 12/11/2006, Văn Thành P sinh ngày 17/11/2008. Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi 02 con chung và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Văn Thành Đ mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Đ không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị L. Đồng thời, anh Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ 02 lần giấy báo tham gia phiên tòa nhưng anh Đ vẫn vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Văn Thành Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thẩm quyền của tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An và quan hệ tranh chấp ly hôn căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét bị đơn anh Văn Thành Đ vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Văn Thành Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh A vào năm 2007 đúng với quy định tại Khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Chị L yêu cầu ly hôn với anh Đ do trong quá trình chung sống anh Đ không lo cho vợ con, mặc dù thời gian dài chung sống. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, anh Đ không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản để thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị L, cho thấy anh Đ không có mong muốn để vợ chồng hòa giải đoàn tụ. Hơn nữa, tại phiên tòa chị L cương quyết xin ly hôn. Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L với anh Văn Thành Đ.

[3] Nuôi con chung: Chị L yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung là Văn Thành H sinh ngày 12/11/2006, Văn Thành P sinh ngày 17/11/2008. Xét thấy, tại bản tự khai ngày 21/5/2018 của 02 cháu H và P đều có nguyện vọng sống với mẹ. Bên cạnh đó, anh Đ không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu nuôi con chung của chị L. Do đó căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*, Hội đồng xét xử giao cho chị L được quyền nuôi dưỡng 02 con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại Khoản 24 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì *“Cấp dưỡng là việc một người có nghĩa vụ đóng góp tiền hoặc tài sản khác để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người không sống*

chung với mình mà có quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc nuôi dưỡng trong trường hợp người đó là người chưa thành niên...”. Và Điều 110 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con”. Xét chị L yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi 02 người con hàng tháng theo quy định. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận buộc anh Văn Thành Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con hàng tháng là 695.000 đồng.

[5] Tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L với anh Văn Thành Đ.

Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Văn Thành Đ.

[2] Con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Văn Thành H sinh ngày 12/11/2006, Văn Thành P sinh ngày 17/11/2008. Anh Văn Thành Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con hàng tháng là 695.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 12-9-2018 cho đến khi cháu H và cháu P đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 6307 ngày 07/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước. Anh Văn Thành Đ phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Án này là sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- UBND xã Trường Bình;
- Lưu: VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phương Thảo